

Số: 182 /TB-UBND

Vạn Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục thủ tục hành chính cho phép nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, thực hiện bưu chính công ích trên địa bàn huyện Vạn Ninh

Căn cứ Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục thủ tục hành chính cho phép nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, thực hiện bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

UBND huyện Vạn Ninh thông báo đến các quý cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trên địa bàn huyện như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung danh mục thủ tục hành chính cho phép nộp trực tuyến, thanh toán trực tuyến, nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết qua bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và cấp xã trên địa bàn huyện Vạn Ninh (*Đính kèm phụ lục danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch được sửa đổi, bổ sung*).

2. Các nội dung còn lại tại Thông báo 833/TB-UBND ngày 08/10/2020 của UBND huyện về Danh mục thủ tục hành chính cho phép nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, thực hiện bưu chính công ích huyện Vạn Ninh giữ nguyên, không thay đổi.

UBND huyện Vạn Ninh trân trọng thông báo cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện được biết./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- UBND tỉnh (b/c);
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- BBT Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, Thư.

[Chữ ký]

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đàm Ngọc Quang

PHỤ LỤC

**Danh mục thủ tục hành chính cho phép nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán thực tuyến, thực hiện bưu chính công ích –
lĩnh vực hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, xã**

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày / /2022 của UBND huyện Vạn Ninh)

TT	STT (Thủ tục)	Mã quản lý quốc gia	Mã quy trình nội bộ của tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả	Thực hiện BCCI	Mức độ thực hiện			Thanh toán trực tuyến	Ghi chú
								Mức 2	Mức 3	Mức 4		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I UBND CẤP HUYỆN												
1	1	2.000806.00 0.00.00.H32	016.07.004	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	UBND cấp huyện		X			X	
2	2	2.000513.00 0.00.00.H32	016.07.006.1	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài - Trường hợp không xác minh	Hộ tịch	UBND cấp huyện		X			X	
3			016.07.006.2	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài - Trường hợp xác minh	Hộ tịch	UBND cấp huyện		X			X	
4	3	2.000528.00 0.00.00.H32	016.07.012	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	UBND cấp huyện	X			X	X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.

5	4	1.000893.00 0.00.00.H32	016.07.013.1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân - Trường hợp không xác minh	Hộ tịch	UBND cấp huyện	X			X	X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMP.
6			016.07.013.2	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân - Trường hợp xác minh	Hộ tịch	UBND cấp huyện	X			X		- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMP.
7	5	1.001695.00 0.00.00.H32	016.07.015	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	UBND cấp huyện		X			X	
8	6	2.000522.00 0.00.00.H32	016.07.017.1	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài - Trường hợp không xác minh	Hộ tịch	UBND cấp huyện	X			X	X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMP.
9			016.07.017.2	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài - Trường hợp xác minh	Hộ tịch	UBND cấp huyện	X			X	X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMP.
10	7	1.001766.00 0.00.00.H32	016.07.035.1	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài - Trường hợp không xác minh	Hộ tịch	UBND cấp huyện	X			X	X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMP.

											tại BPMC.
11		016.07.035.2	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài - Trường hợp xác minh	Hộ tịch	UBND cấp huyện	X			X	X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
12	8	016.07.037.1	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài - Trường hợp không xác minh	Hộ tịch	UBND cấp huyện	X			X	X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
13		016.07.037.2	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài - Trường hợp không minh	Hộ tịch	UBND cấp huyện	X			X	X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
14	9	016.07.039	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	UBND cấp huyện		X			X	
15	10	016.07.041.1	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài - Trường hợp đăng ký giám hộ cử	Hộ tịch	UBND cấp huyện	X			X	X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
16		016.07.041.2	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài - Trường hợp đăng ký	Hộ tịch	UBND cấp huyện	X			X	X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả

			giám hộ đương nhiên								trực tiếp tại BPMC.
17	11	2.000756.00 0.00.00.H32	016.07.043	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	UBND cấp huyện	X			X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
18	12	2.000635.00 0.00.00.H32	016.07.044.2	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Tư pháp)	Hộ tịch	UBND cấp huyện	X			X	
19	13	2.000748.00 0.00.00.H32	016.07.046.1	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc - Trường hợp không xác minh	Hộ tịch	UBND cấp huyện	X			X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
20			016.07.046.2	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc - Trường hợp xác minh	Hộ tịch	UBND cấp huyện	X			X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
21	14	2.002189.00 0.00.00.H32	016.07.047	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	UBND cấp huyện	X			X	

22	15	2.000554.00 0.00.00.H32	016.07.048	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	UBND cấp huyện	X			X	X	
23	16	2.000547.00 0.00.00.H32	016.07.049.1	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) - Trường hợp không xác minh	Hộ tịch	UBND cấp huyện	X			X	X	
24			016.07.049.2	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) - Trường hợp	Hộ tịch	UBND cấp huyện	X			X	X	

					xác minh														
II		UBND CẤP XÃ																	
1	1	1.004873.00 0.00.00.H32	016.07.001.1	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân - Trường hợp không xác minh	Hộ tịch	UBND cấp xã	X									X			
2			016.07.001.2	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân - Trường hợp xác minh	Hộ tịch	UBND cấp xã	X									X			
3			016.07.002.1	Đăng ký kết hôn - Trường hợp không xác minh	Hộ tịch	UBND cấp xã		X									X		
4	2	1.000894.00 0.00.00.H32	016.07.002.2	Đăng ký kết hôn - Trường hợp xác minh	Hộ tịch	UBND cấp xã		X									X		
5	3	1.000593.00 0.00.00.H32	016.07.003	Đăng ký kết hôn lưu động	Hộ tịch	UBND cấp xã		X											
6			016.07.005.1	Đăng ký lại kết hôn - Trường hợp không xác minh	Hộ tịch	UBND cấp xã		X									X		
7	4	1.004746.00 0.00.00.H32	016.07.005.2	Đăng ký lại kết hôn - Trường hợp xác minh	Hộ tịch	UBND cấp xã		X									X		
8	5	1.001193.00 0.00.00.H32	016.07.007	Đăng ký khai sinh	Hộ tịch	UBND cấp xã	X									X			- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.

9	6	2.001023.00 0.00.00.H32	016.07.008	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch	UBND cấp xã	X		X	X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
10	7	2.000986.00 0.00.00.H32	016.07.009	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch	UBND cấp xã	X		X	X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
11	8	1.003583.00 0.00.00.H32	016.07.010	Đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch	UBND cấp xã		X			- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
12	9	1.004772.00 0.00.00.H32	016.07.011.1	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân - Trường hợp không xác minh	Hộ tịch	UBND cấp xã	X		X	X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
13			016.07.011.2	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân - Trường hợp xác minh	Hộ tịch	UBND cấp xã	X		X	X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
14	10	1.000689.00 0.00.00.H32	016.07.014.1	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con - Trường hợp không xác minh	Hộ tịch	UBND cấp xã		X		X	

15			016.07.014.2	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con - Trường hợp xác minh	Hộ tịch	UBND cấp xã		X			X						X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
16	11	1.004884.00 0.00.00.H32	016.07.016.1	Đăng ký lại khai sinh - Trường hợp không xác minh	Hộ tịch	UBND cấp xã	X			X							X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
17			016.07.016.2	Đăng ký lại khai sinh - Trường hợp xác minh	Hộ tịch	UBND cấp xã	X			X							X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
18	12	1.000656.00 0.00.00.H32	016.07.018	Đăng ký khai tử	Hộ tịch	UBND cấp xã	X			X							X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
19	13	1.000419.00 0.00.00.H32	016.07.034	Đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch	UBND cấp xã		X										
20	14	1.005461.00 0.00.00.H32	016.07.036.1	Đăng ký lại khai tử - Trường hợp không xác minh	Hộ tịch	UBND cấp xã	X			X							X	- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.

21			016.07.036.2	Đăng ký lại khai tử - Trường hợp xác minh	Hộ tịch	UBND cấp xã	X			X	X	- Nộp hồ sơ BCCl. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
22	15	1.001022.00 0.00.00.H32	016.07.038.1	Đăng ký nhận cha, mẹ, con - Trường hợp không xác minh	Hộ tịch	UBND cấp xã		X			X	
23			016.07.038.2	Đăng ký nhận cha, mẹ, con - Trường hợp xác minh	Hộ tịch	UBND cấp xã		X			X	- Nộp hồ sơ BCCl. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
24	16	1.004837.00 0.00.00.H32	016.07.040	Đăng ký giám hộ	Hộ tịch	UBND cấp xã	X			X	X	- Nộp hồ sơ BCCl. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
25	17	1.004845.00 0.00.00.H32	016.07.042	Đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch	UBND cấp xã	X			X	X	- Nộp hồ sơ BCCl. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
26	18	2.000635.00 0.00.00.H32	016.07.044.3	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch (Thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã)	Hộ tịch	UBND cấp xã	X			X	X	
27	19	1.004859.00 0.00.00.H32	016.07.045.1	Thay đổi, cải chính hộ tịch - Trường hợp không xác minh	Hộ tịch	UBND cấp xã	X			X	X	- Nộp hồ sơ BCCl. - Nhận kết quả

											trực tiếp tại BPMC.
28											- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.
29											- Nộp hồ sơ BCCI. - Nhận kết quả trực tiếp tại BPMC.



Số: 632/QĐ-UBND

Khánh Hoà, ngày 02 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục thủ tục hành chính cho phép nộp hồ sơ
trực tuyến, thanh toán trực tuyến, thực hiện bưu chính công ích
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ
chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16/6/2010;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày
20/11/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về
thanh toán không dùng tiền mặt;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi,
bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực
hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 451/STTTT-CNTTBCVT ngày 23/02/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Danh mục thủ tục hành chính cho phép nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, thực hiện bưu chính công ích được ban hành tại Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính cho phép nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, thực hiện bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, cụ thể như sau:

1. Thay thế 40 thủ tục hành chính (tương ứng với 54 quy trình) cho phép nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, thực hiện bưu chính công ích của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong được ban hành tại Quyết định số 2259/QĐ-UBND bằng 40 thủ tục hành chính (tương ứng với 53 quy trình) theo Phụ lục I đính kèm.

2. Thay thế 16 thủ tục hành chính (tương ứng với 24 quy trình) thuộc lĩnh vực hộ tịch cho phép nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, thực hiện bưu chính công ích của UBND cấp huyện được ban hành tại Quyết định số 2259/QĐ-UBND bằng 16 thủ tục hành chính (tương ứng với 24 quy trình) theo Phụ lục II đính kèm.

3. Thay thế 19 thủ tục hành chính (tương ứng với 29 quy trình) thuộc lĩnh vực hộ

tịch cho phép nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, thực hiện bưu chính công ích của UBND cấp xã được ban hành tại Quyết định số 2259/QĐ-UBND bằng 19 thủ tục hành chính (tương ứng với 29 quy trình) theo Phụ lục II đính kèm.

4. Các nội dung còn lại tại Quyết định số 2259/QĐ-UBND giữ nguyên, không thay đổi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Sở Tư pháp, Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (VBĐT);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đài PT-TH, Báo Khánh Hòa;
- Công TTĐT tỉnh, Công TTĐT CCHC tỉnh;
- Trung tâm CNTT&DVHCCTT tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, LH, ĐL.

14



Nguyễn Tấn Tuấn

